

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN MINH TRUNG

**GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG
Ở THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 1: **PGS.TS. VÕ XUÂN TIẾN**

Phản biện 2: **TS. ĐOÀN HỒNG LÊ**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đà Nẵng ngày 17 tháng 12 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nguồn nhân lực là một trong hai nhân tố cơ bản của quá trình sản xuất của cải vật chất của mọi xã hội, nếu nguồn nhân lực được quan tâm phát triển đúng mức sẽ là nguồn tài nguyên vô giá, song nếu nguồn nhân lực đó không được sử dụng tốt, việc làm không được giải quyết, nạn thất nghiệp gia tăng, trở thành một gánh nặng, một sức ép về kinh tế, nảy sinh tiêu cực xã hội.

Ngày nay, việc làm là một trong những vấn đề xã hội có tính chất toàn cầu, là mối quan tâm lớn của toàn nhân loại, của hầu hết các quốc gia. Thúc đẩy mục tiêu tạo việc làm đầy đủ cho mọi người, nam cũng như nữ, để tạo thu nhập và không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống là ưu tiên số một trong chính sách kinh tế - xã hội.

Trà Vinh là một tỉnh nghèo có đông đồng bào dân tộc Khmer. Cơ cấu nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong thành phần kinh tế, lực lượng lao động tập trung chủ yếu ở nông thôn. Bên cạnh đó, số người bước vào tuổi lao động ngày càng tăng, điều đó cũng đang gây khó khăn trong công tác giải quyết việc làm. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: "Giải quyết việc làm cho lao động ở Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh" là nhằm góp phần giải quyết vấn đề cấp bách nói trên.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận về giải quyết việc làm cho lao động ở Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Phân tích thực trạng giải quyết việc làm cho lao động ở Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đề xuất giải pháp giải quyết việc làm cho lao động ở Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác giải quyết việc làm cho lao động.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nội dung: Nghiên cứu công tác giải quyết việc làm cho lao động.

+ Về không gian: Các nội dung trên được tiến hành nghiên cứu ở Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Về thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong 5 năm tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng các phương pháp sau đây:

- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp.

- Các phương pháp khác.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài mục lục, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về việc làm và giải quyết việc làm cho lao động.

Chương 2: Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động ở Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Chương 3: Một số giải pháp giải quyết việc làm cho lao động ở Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VIỆC LÀM VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG

1.1.1. Việc làm cho lao động

a. Khái niệm về lao động

Laô động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người tác động vào thế giới tự nhiên nhằm cải tạo tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu, đồng thời cải tạo cả bản thân con người. Chính vì vậy Ph.Ăngghen đã viết: “Laô động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó chúng ta phải nói: laô động đã sáng tạo ra bản thân con người”. Như vậy, laô động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Laô động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước.

b. Khái niệm về thất nghiệp và phân loại

Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một số người trong lực lượng laô động muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức tiền công đang thịnh hành.

Phân loại thất nghiệp: Thất nghiệp theo nhóm dân cư, theo lý do thất nghiệp, theo nguồn gốc thất nghiệp và theo quan hệ cung cầu laô động.

1.1.2. Những vấn đề chung về giải quyết việc làm cho lao động

a. Khái niệm về giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm cho laô động là quá trình các chủ thể bằng nhiều chính sách và biện pháp khác nhau thiết lập các điều kiện để kết nối laô động với các nhân tố sản xuất khác thực hiện quá trình sản xuất. Quá trình này được duy trì thường xuyên và lặp đi lặp lại không ngừng nhằm mở rộng quy mô năng lực sản xuất.

b. Điều kiện để giải quyết việc làm

Lao động sẵn sàng làm việc hay muốn làm việc.

Các nhân tố sản xuất không phải là lao động như: vốn, tài nguyên, công nghệ sản xuất...

Môi trường thể chế để tạo điều kiện cho quá trình sản xuất diễn ra.

c. Ý nghĩa

Giải quyết việc làm là một trong những chính sách xã hội cơ bản của mọi quốc gia nhằm góp phần đảm bảo an toàn, ổn định và phát triển kinh tế xã hội. Chính sách việc làm vừa có ý nghĩa về mặt kinh tế, vừa có ý nghĩa về mặt chính trị xã hội cũng như giáo dục con người.

1.1.3 Đặc điểm của lao động và việc làm ở Thành phố Trà Vinh

a. Đặc điểm của lực lượng lao động ở Thành phố Trà Vinh

Lực lượng lao động ở Thành phố Trà Vinh kém phát triển thường chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động cả nước và tăng với quy mô lớn so với lực lượng lao động ở thành thị.

b. Đặc điểm của việc làm ở Thành phố Trà Vinh

Sản xuất theo mùa vụ, năm này theo năm khác nên người lao động chỉ làm việc theo kinh nghiệm, ít cải tiến sáng tạo. Loại công việc này có tính chất mùa vụ nên lao động ở nông thôn sẽ thiếu việc làm trong những lúc nông nhàn. Mặt khác, cùng với quá trình đô thị hóa đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng làm cho người nông dân bị mất tư liệu sản xuất và với trình độ học vấn tay nghề thấp họ sẽ gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm và phải làm những công việc nặng nhọc với mức lương thấp... Như vậy, trong quá trình CNH - HĐH, người lao động làm việc trong lĩnh vực thuần nông là những người có nguy cơ bị thiếu việc làm và bị thất nghiệp cao nhất.

1.2. NỘI DUNG VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG

1.2.1. Hỗ trợ vốn để tạo việc làm

Cơ chế, chính sách về lao động - việc làm được kịp thời bổ sung và sửa đổi bảo đảm ngày càng thông thoáng, phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập, đảm bảo quyền và lợi ích người lao động, người sử dụng lao động và tuân thủ các quy luật kinh tế thị trường. Trong nhiều năm, hoạt động vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm được xem là một trong những giải pháp tạo việc làm có hiệu quả.

1.2.2. Giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động là việc đưa người lao động trong nước ra nước ngoài làm việc. Vì vậy, biện pháp xuất khẩu lao động là hoạt động cơ bản trong phát triển kinh tế, là giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết việc làm cho lao động. Xuất khẩu lao động sẽ mang lại nguồn thu ngoại tệ, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ lao động có tay nghề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo điều kiện phát triển bền vững sau này.

1.2.3. Thực hiện chính sách dạy nghề

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, tay nghề là một trong những chính sách trọng tâm để giải quyết việc làm cho lao động đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo. Trong thời gian qua, hệ thống dạy nghề trên địa bàn thành phố được đầu tư, mở rộng về qui mô và nâng cao về chất lượng nhằm tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

1.2.4. Thực hiện giải quyết việc làm thông qua phát triển ngành nghề phi nông nghiệp

Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là ở nông thôn góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, cơ chế khuyến khích ưu đãi đầu tư và quản lý Cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố, qua đó đã hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, hợp tác xã, các làng nghề truyền

thống, khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, hình thành các khu công nghiệp nhỏ ở nông thôn.

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG

1.3.1. Những nhân tố về điều kiện tự nhiên

Một thách thức đối với các nước đang phát triển là số lao động gia tăng rất nhanh và có nguồn gốc từ sự gia tăng dân số. Vì vậy, điều kiện tự nhiên của mỗi nước chỉ là cơ sở quan trọng ban đầu cho phát triển sản xuất. Nhiệm vụ của mỗi nước là phát huy thuận lợi khắc phục khó khăn của điều kiện tự nhiên chi phối nền sản xuất, trên cơ sở đó hoạch định chính sách phát triển đúng đắn, bền vững nhằm mục tiêu quan trọng là phát triển con người - chủ thể và động lực chủ yếu của nền sản xuất và mọi hoạt động xã hội.

1.3.2. Những nhân tố về điều kiện kinh tế - xã hội

a. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về giải quyết việc làm

Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, đường lối thiết thực, hiệu quả nhằm phát huy tối đa nội lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nhiều việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn, góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

b. Ảnh hưởng của chính sách việc làm trong xã hội

Chính sách việc làm là nhân tố chủ quan có vai trò rất quan trọng đối với toàn bộ quá trình phát triển việc làm trong xã hội. Chính sách việc làm là một hệ thống các biện pháp có tác động mở rộng cơ hội để lực lượng lao động của toàn xã hội tiếp cận việc làm. Ngoài ra, chính sách việc làm còn bao gồm các giải pháp trợ giúp cho các loại đối tượng đặc biệt (cho người tàn tật, đối tượng tệ nạn xã hội, người hồi hương...) có cơ hội và điều kiện được làm việc.

1.3.3. Những nhân tố về lao động

a. Trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật

Giáo dục – Đào tạo đóng vai trò quan trọng đối với vị trí và triển vọng tương lai của việc làm cho lao động nói chung và lao động nói riêng. Đảng ta đã khẳng định: “Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Phải coi trọng cả ba mặt: mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả”.

b. Sức khỏe

Sức khỏe là yếu tố rất quan trọng đối với người lao động, không chỉ tạo ra khả năng làm việc, tăng thu nhập, mà còn góp phần cải thiện cuộc sống. Như vậy, vấn đề nâng cao sức khỏe là yêu cầu cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

1.4. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG

1.4.1 Kinh nghiệm của Đà Nẵng

Đà Nẵng đã đổi mới quá nhiều so với tuổi của mình. Một trong những thành công lớn nhất của Đà Nẵng là đẩy mạnh hiện đại hóa, đô thị hóa gắn liền với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, trong đó có công tác hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm lao động.

1.4.2. Kinh nghiệm của Đắk Lắk

Trong các giải pháp xoá đói giảm nghèo, Đắk Lắk chú trọng đến nhu cầu vay vốn sản xuất của người dân, tuyên truyền, vận động, tư vấn cho người nghèo về học nghề và tiếp nhận vào làm việc tại các doanh nghiệp, xuất khẩu lao động cũng như hỗ trợ vốn, khoa học kỹ thuật giúp người nghèo làm ăn hiệu quả, nhanh chóng thoát nghèo.

1.4.3. Kinh nghiệm của Quảng Ngãi

Quảng Ngãi đã ban hành nhiều chính sách thu hút, khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm thông qua việc thực hiện các chương trình dự án ở miền núi ... ưu tiên cho các dự án đầu tư vào các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy hải sản và những dự án nuôi trồng theo hướng sản xuất hàng hóa và xuất khẩu.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Thành phố Trà Vinh là trung tâm hành chính, chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh bao gồm 9 phường và 1 xã Long Đức. Dân số có 102.830 người, trong đó dân tộc Kinh là 76.711 người (chiếm 74,6%), dân tộc Khmer là 19.981 (chiếm 19,27%), dân tộc Hoa 5.398 người (chiếm 5,25%), dân tộc khác 740 người (chiếm 0,31%). Tổng số phụ nữ 44.630, trong đó phụ nữ trong độ tuổi lao động có 20.130 người chiếm trên 50% lao động xã hội.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

a. Tình hình phát triển kinh tế

Năm 2012 tốc độ tăng trưởng trung bình của GDP là 20%, Trong đó: Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là 23%, công nghiệp xây dựng là 11%, thương mại dịch vụ là 20%. Tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi bậc tiểu học đạt 99,5%, bậc trung học cơ sở đạt 94%, trung học phổ thông 68,5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng dịch vụ, du lịch, thương mại – công nghiệp.

b. Đặc điểm xã hội

Đến cuối năm 2008, dân số toàn Thành phố là 98.870 người, trong đó dân số thành thị chiếm 82,40%, dân số nông thôn chiếm 17,60% dân số, tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2005 - 2008 là 1,04%/năm. Năm 2009 dân số của Thành phố là 100,043 người và cuối năm 2012 dân số Thành phố đạt 102,830 người, với mức tăng bình quân là 1,02 %/năm thời kỳ 2009 - 2012.

Bảng 2.1 Diện tích, dân số của Thành phố Trà Vinh

(Đơn vị tính: km² , người)

Năm 2012	Diện tích	Dân số	Mật độ dân số
1. Phường 1	2.53	11,243	4,444
2. Phường 2	0.29	4,147	14,300
3. Phường 3	0.17	3,849	22,641
4. Phường 4	1.56	9,891	6,340
5. Phường 5	2.27	7,525	3,315
6. Phường 6	1.02	12,099	11,861
7. Phường 7	5.87	17,224	2,934
8. Phường 8	3.60	8,536	2,371
9. Phường 9	11.76	10,750	914
10. Xã Long Đức	39.09	17,566	449
Tổng	68.16	102,830	1,521

(Nguồn số liệu: Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Trà Vinh)

2.1.3 Tình hình lao động và việc làm của Thành phố Trà Vinh

a. Tình hình lao động của Thành phố Trà Vinh

Thành phố Trà Vinh với tổng diện tích đất tự nhiên: 6.803,5 ha trong đó có 4.063,26 ha đất nông nghiệp. Hàng năm Thành phố giải quyết trên 4.000 lao động có việc làm trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động. Toàn Thành phố có 22.490 hộ với 102.830 nhân khẩu, lao động trong độ tuổi: 60.079 nhân khẩu, trong đó, Thương mại-dịch vụ 29.550 nhân khẩu, Công nghiệp 9.515 nhân khẩu, Nông nghiệp 8.990 nhân khẩu, Xây dựng 3.415 nhân khẩu, Thủy sản 899 nhân khẩu, Lâm nghiệp 18 nhân khẩu và Lao động khác 7.692 nhân khẩu.

b. Cơ cấu Lao động của Thành phố Trà Vinh

Trong tổng số 47.705 lao động đang làm việc trên địa bàn Thành phố, thì Phường 4 có 6.110 lao động chiếm 12.81% lao động, kể đến là Phường 7 có 6.006 lao động chiếm 12.59% thấp nhất là Phường 2 có 3.231 lao động chiếm 6.77% trong tổng số.

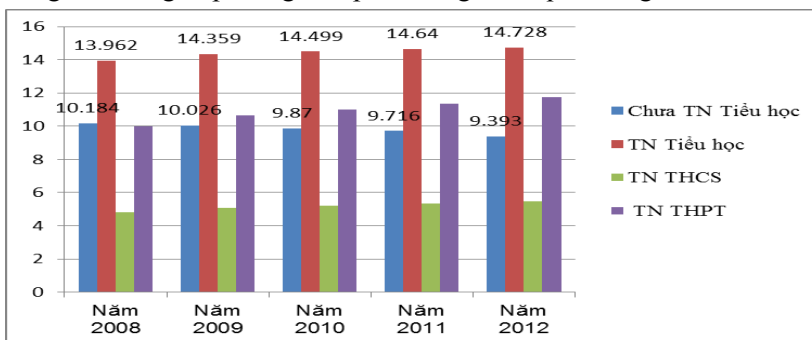
Bảng 2.2. Cơ cấu dân số lao động theo nhóm tuổi và giới tính
Đơn vị tính: người, %.

Nhóm tuổi	Lực lượng lao động	Lao động có việc làm		Lao động không có việc làm		
		Số lao động	Tỷ lệ	Thiếu việc làm	Thất nghiệp	Bệnh, tật
15-17	15019	11878	79.0	1813	1173	154
18-35	15620	12355	79.1	1886	1219	160
36-55(nữ)	11415	9161	80.3	1376	761	117
36-60(nam)	18025	14311	79.4	2207	1318	189
Tổng	60079	47705	79.4	7283	4471	620

(Nguồn số liệu: Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Trà Vinh)

c. Lao động phân theo trình độ văn hóa

Trình độ văn hoá của lao động Thành phố ngày càng được nâng cao, số lượng học sinh chưa tốt nghiệp Tiểu học ngày càng giảm dần. Tỷ lệ người tốt nghiệp trung học cơ sở bình quân tăng 1,02%/năm; số người tốt nghiệp trung học phổ thông bình quân tăng 1.06%/năm.



Hình 2.1 Lao động theo trình độ học vấn của Thành phố
(Nguồn : Phòng LĐ – TB & XH Thành phố Trà Vinh)

d. Lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Bảng 2.3 Tỷ lệ lao động theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

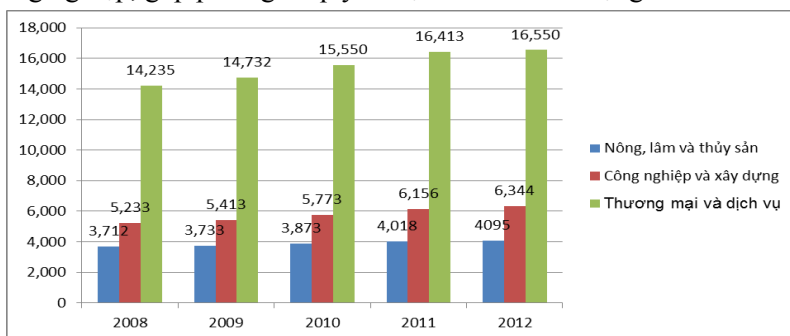
(Đơn vị tính: Người)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2011	2012
Chưa qua đào tạo	1870	3151	3760
Công nhân kỹ thuật không có bằng	74	86	97
Sơ cấp nghề	41	68	79
Có bằng nghề dài hạn	9	9	2
Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp	133	110	138
Cao đẳng nghề, Cao đẳng chuyên nghiệp	84	131	58
Đại học	926	156	259
Sau đại học	5	14	12

(Nguồn : Sở LĐ – TB & XH tỉnh Trà Vinh)

e. Cơ cấu việc làm giải quyết cho lao động theo đơn vị hành chính và khu vực thành thị/nông thôn

Thành phố Trà Vinh phấn đấu để trở thành thành phố công nghiệp và dịch vụ vào năm 2020, trong những năm qua, Thành phố đã có nhiều chủ trương chính sách tích cực xây dựng các khu, cụm công nghiệp, góp phần giải quyết việc làm cho lao động.



Hình 2.2 Số lao động trong các ngành kinh tế của Thành phố.

f. Tình hình tăng trưởng việc làm cho lao động

Lao động tập trung làm việc chủ yếu ở các nhóm không đòi hỏi tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cao; chiếm một tỷ lệ lớn trong khu

vực kinh tế không chính thức, các cơ sở kinh doanh nhỏ, lao động tại nhà, lao động làm thuê hộ gia đình, lao động di cư từ nông thôn ra thành thị và vào các khu cụm công nghiệp, lao động trong lĩnh vực nông nghiệp còn thiếu việc làm khá phổ biến.

Bảng 2.4 Tình hình tăng trưởng việc làm cho lao động

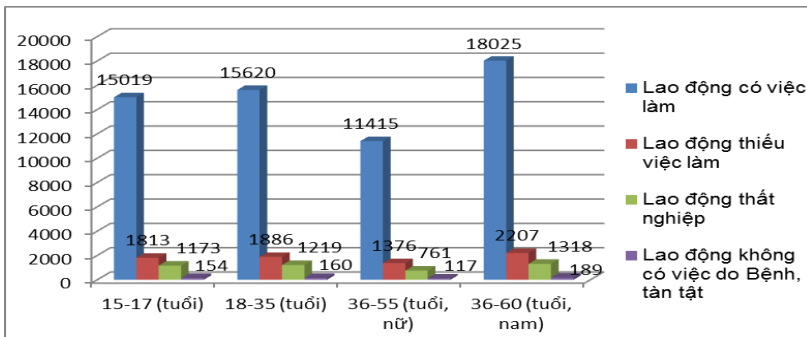
(Đơn vị tính: người;%)

Năm	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng Lao động trong độ tuổi	57,765	58,451	59,111	59,890	60,079
Số việc làm mới cho lao động	2.834	4.086	3.875	6.150	5.084
Tỷ lệ có việc mới	4.91	6.99	6.56	10.27	8.46
Tỷ lệ tăng trưởng việc làm	35.6	142.6	(-) 93.8	156.4	(-) 82.5

(Nguồn: Sở lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Trà Vinh)

g. Tình hình thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động Thành Phố Trà Vinh

Trong năm 2012, trên địa bàn Thành Phố Trà Vinh có 4.471 người thất nghiệp chiếm 7.44%. Trong hơn 4 nghìn lao động thất nghiệp thì số người thất nghiệp trẻ tuổi (từ 15-35 tuổi) chiếm 53%.



Hình 2.3 Số lượng lao động có việc làm, thiếu việc làm.

(Nguồn: Cục thống kê TP Trà Vinh)

h. Tình hình thực thi các chính sách giải quyết việc làm cho lao động

Trong thời gian qua, Thành phố Trà Vinh thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động trên địa bàn, số lượng doanh nghiệp tăng khá nhanh, số doanh nghiệp thành lập mới hàng năm tăng 30% so với thời kỳ 5 năm trước, góp phần giải quyết việc làm cho lao động, đồng thời thúc đẩy tăng đầu tư nước ngoài, góp phần thu hút lao động vào các ngành, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tạo mở việc làm mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở Thành phố.

2.2 THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ TRÀ VINH

2.2.1 Tình hình hỗ trợ vốn để tạo việc làm

Bảng 2.5 Nguồn vốn hỗ trợ tạo việc làm cho lao động

(ĐV: người, triệu đồng)

Vốn hỗ trợ	2008	2009	2010	2011	2012
Dự án	20	33	25	46	74
Vốn giải ngân	3.977,5	3.323	2.788	3.707.	3.819
Lao động trong độ tuổi	57,765	58,451	59,111	59,890	60,079
Việc làm mới	388	370	764	400	398
Tỷ lệ có việc mới	0.67	0.63	1.29	0.67	0.66
Tỷ lệ tăng trưởng việc làm	128	(-) 0.94	204	(-) 0.51	(-) 0.98

(Nguồn: Báo cáo Sở Lao động và thương binh xã hội)

2.2.2 Giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động

Từ giai đoạn 2008 – 2012, Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đạt 55% so với kế hoạch 5 năm. Qua số liệu trên cho thấy số lượng xuất khẩu lao động qua các năm của Thành phố Trà Vinh chiếm tỷ lệ cao 48% so với toàn tỉnh, năm 2008 chiếm 49%, năm 2009 chiếm 48%, năm 2010 chiếm 60%.

Bảng 2.6. Số lượng xuất khẩu lao động Thành phố Trà Vinh

Năm	THỊ TRƯỜNG					Tổng số	Tỉnh	Tỷ lệ (%)
	Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan	Ma laysia	Nước khác			
2008	19	27	7	25	00	78	158	49
2009	26	18	21	95	62	222	460	48
2010	2	16	5	13	30	66	110	60
2011	5	24	44	7	00	80	160	50
2012	46	27	16	48	10	147	260	57
Quý I /2013	22	0	2	10	1	35	150	23
Tổng	120	112	95	198	103	628	1.298	48

(Nguồn: Sở Lao động Thương Binh và Xã hội)

2.2.3 Chính sách dạy nghề

Bảng 2.7 Số lượng lao động có việc làm sau khi đào tạo nghề

(Đơn vị tính: người)

TT	Năm	2010	2011	2012
1	Nghề đan hàng thủ công mỹ nghệ	168	81	90
2	Nghề sửa chữa xe honda	55	18	35
3	Máy công nghiệp	16	123	160
4	Chế biến thủy sản	00	116	114
5	Trồng trọt	00	50	70
6	Kỹ Thuật xây dựng	20	20	64
7	Sửa chữa máy tính	55	27	69
8	Trồng nấm bào ngư	18	75	96
Tổng số lao động có việc làm mới		332	510	698

(Nguồn – UBND Thành phố Trà Vinh)

Năm 2010 là năm đầu tiên Thành phố áp dụng đề án 1956, trong năm Thành phố đã tạo việc làm mới cho 332 lao động ở các công ty, doanh nghiệp và làng nghề với các nghề đan hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu ra nước ngoài, may công nghiệp, sửa chữa máy tính, trồng nấm bào ngư, ... năm 2011 tạo việc làm mới cho 510 lao động năm 2012 là 698 lao động tăng 1.36%.

2.2.4 Tình hình thực hiện giải quyết việc làm thông qua phát triển ngành nghề phi nông nghiệp

Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, cơ chế khuyến khích ưu đãi đầu tư và quản lý Cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố, qua đó đã hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, hợp tác xã, các làng nghề truyền thống.

2.3. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ TRÀ VINH

2.3.1. Những thành tựu đạt được

Với vị trí tự nhiên thuận lợi, Thành Phố Trà Vinh có cơ hội giao thương về kinh tế với các tỉnh và thành phố lân cận, có điều kiện tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật để đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực. Nguồn lao động dồi dào và có xu hướng tăng, có ưu thế về lao động trẻ và chất lượng lao động dần được nâng lên. Lực lượng lao động cần cù, chịu khó là tiềm năng về nguồn nhân lực của Thành phố. Với những lợi thế so sánh, cơ chế chính sách thoáng mở sẽ là những thời cơ cho phát triển kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết các vấn đề xã hội như lao động, việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

2.3.2. Những hạn chế trong công tác giải quyết việc làm cho lao động

a. Trình độ của lao động còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tình trạng thiếu việc làm của lao động trên địa bàn Thành phố đang diễn ra khá phổ biến. Lao động vừa thiếu lại vừa thừa, thiếu lao động có trình độ, có tay nghề, nhưng lại thừa lao động giản đơn. Cung lao động cho thị trường lao động chủ yếu từ nông nghiệp, chưa qua đào tạo, do đó khả năng cạnh tranh không cao, nhất là ở những nơi yêu cầu lao động có trình độ cao.

b. Những biến đổi về việc làm hiện nay

Việc xuất hiện nhiều ngành nghề mới ở các khu công nghiệp của Thành phố Trà Vinh, hiện nay đây là nơi có khả năng thu hút lao động rất lớn từ lĩnh vực thuần nông, lao động giản đơn.

c. Những dự án, chương trình hành động được thực hiện tại Thành phố Trà Vinh

Năm 2012 các dự án được thực hiện tại Thành phố như: Dự án cho vay thu hút lao động đã giải ngân trên 3 tỷ đồng và giải quyết việc làm mới cho gần 400 người; hàng năm số lượng lao động có việc làm mới do được hỗ trợ vốn chiếm tỷ lệ không cao, với tổng số vốn hỗ trợ trên 17 tỷ đồng đã tạo việc làm mới cho lao động 2.320 người, tỷ lệ lao động được hỗ trợ vốn tăng hàng năm như sau: năm 2008 tăng 0,67%, năm 2009 tăng 0,63% đến năm 2012 tăng 0,66%.

d. Hệ thống dịch vụ việc làm

Ở Thành phố Trà Vinh có hơn 10 tổ chức của nhà nước tham gia vào công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại địa phương và một số công ty, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tham gia dạy nghề theo hình thức kèm cặp, truyền nghề tại cơ sở và giải quyết việc làm tại chỗ hàng năm trên 3.000 lao động.

CHƯƠNG 3

NHỮNG GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở THÀNH PHỐ TRÀ VINH

3.1. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2014 – 2020.

3.1.1. Một số định hướng cơ bản phát triển Thành phố Trà Vinh đến năm 2020.

a. Phát triển kinh tế - xã hội

Xây dựng Thành phố Trà Vinh trở thành một trong những vùng trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng ĐBSCL, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, là một trong những đầu mối phát triển dịch vụ du lịch, vận tải biển; Công nghiệp và nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; Chú trọng công tác an sinh xã hội; Tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đến năm 2015 đưa Trà Vinh thoát khỏi tình chậm phát triển và đến năm 2020 trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng.

b. Giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn Thành phố Trà Vinh phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Giải quyết việc làm cho lao động sẽ có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế, cũng như đảm bảo các vấn đề xã hội trên địa bàn Thành phố. Đây là một quá trình phải tiến hành đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt. Do đó, giải quyết việc làm cho lao động cần phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm khai thác hết tiềm năng về nguồn lực của tỉnh, thúc đẩy sự tăng trưởng của Thành phố và các mặt khác của đời sống xã hội.

c. Phải đảm bảo vừa phát huy được thế mạnh của lao động vừa giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đồng bộ với quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo điều kiện để người lao động lựa chọn được ngành, nghề phù hợp với khả năng và điều kiện của mình. Vì vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ cung – cầu về lao động.

3.1.2. Mục tiêu giải quyết việc làm giai đoạn 2014 - 2020

a. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững, đưa Thành phố Trà Vinh ra khỏi tình trạng kém phát triển, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2014 - 2020 khoảng 1.200 tỷ đồng, hàng năm tạo việc làm mới cho 5.000 lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở thành thị xuống còn dưới 4%. Trên cơ sở mục tiêu Đề án 1956 và định hướng phát triển xã hội thành phố đến 2020, Ban chỉ đạo thành phố xác định mục tiêu đào tạo nghề cho lao động đến năm 2020 là 4.200 người.

b. Mục tiêu cụ thể

Thành phố Trà Vinh phát triển thành Thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; đồng thời xác định chỉ tiêu giải quyết việc làm trong giai đoạn 2014 - 2020 trên 28.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 45%; sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh, giá trị sản xuất tăng bình quân 20% tổng số doanh nghiệp đến năm 2020 trên 600 doanh nghiệp, giải quyết trên 20.000 lao động, khu công nghiệp Long Đức kêu gọi đầu tư trên 85 dự án có 50 doanh nghiệp đi vào hoạt động, dự đoán sẽ thu hút trên 20.000 lao động. Thương mại – Dịch vụ phát triển rất năng động thể hiện vai trò trung tâm phân phối hàng hóa và cung cấp dịch vụ của tỉnh, nâng cấp đến năm 2020 tăng 8.200 cơ sở đăng ký kinh doanh, 600 doanh nghiệp, 22 chi nhánh ngân hàng, 06 quỹ tín dụng nhân dân doanh số huy động và cho vay bình quân tăng 45%.

3.1.3 Một số lĩnh vực kinh tế Trà Vinh phát triển đến năm 2020

Phân đầu tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt 14% thời kỳ 2014 - 2015 và đạt 15% thời kỳ 2016-2020; Thu nhập bình quân đầu người vào năm 2015 đạt khoảng 34.348.000 đồng/người/năm (trung bình 1.518 USD) chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, đến năm 2015 cơ cấu các ngành Nông – Lâm – Ngư nghiệp chiếm 38%; công nghiệp và xây dựng trên 28%, dịch vụ 33,87%. Năm 2015, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 300 triệu USD, tăng gấp 3 lần so với năm 2012. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 1.621 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách trên địa bàn Thành phố tăng bình quân hàng năm khoảng 16% và đạt khoảng 600 triệu USD vào năm 2020.

3.1.4 Dự báo về lao động việc làm đến năm 2020

Dự báo dân số Thành phố Trà Vinh đến năm 2020 là 106,812 người, trong đó thành thị 88,569 chiếm 82,9% với tổng số là 749 doanh nghiệp. Tỷ trọng lao động làm việc chia theo ngành kinh tế về Nông, Lâm – Ngư nghiệp 4,861 lao động, Công nghiệp – xây dựng 8,566 lao động, Thương mại - dịch vụ 21,180 lao động, công tác xuất khẩu lao động hàng năm trên 344 lao động và số lao động trong độ tuổi có việc làm là 59,909 người chiếm tỷ lệ 94%. Thông qua các mục tiêu đào tạo nguồn lực của Thành phố dự báo giai đoạn 2013 – 2014 là 1.190 người, giai đoạn 2015 – 2016 là 1.394 người, giai đoạn 2017 – 2018 là 1.956 người và đến năm 2020 là 1.998 người.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở THÀNH PHỐ TRÀ VINH

3.2.1. Tăng trưởng kinh tế và phát triển các ngành dịch vụ, thương mại, doanh nghiệp để tạo việc làm cho lao động.

a. Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế để tạo nhiều việc làm mới

Hoàn thành quy hoạch khu công nghiệp Long Đức mở rộng, quy hoạch và đầu tư các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, làng

nghe. Tăng cường công tác xúc tiến mời gọi đầu tư, bổ sung các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đã ban hành để thu hút đầu tư trong và ngoài nước, khuyến khích đầu tư các dự án chế biến nông – thủy sản, vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí phục vụ nông – ngư nghiệp, các dự án có công nghệ, kỹ thuật tiên tiến. Phát triển kinh tế phi nông nghiệp để tạo thêm nhiều việc làm mới cho lao động nông nhàn và góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động.

b. Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại tại Thành phố Trà Vinh

Phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, thương mại, vận tải, nâng cấp mạng lưới giao thông đô thị, tạo điều kiện cho đi lại, giao lưu hàng hóa, phát triển thị trường, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương mại theo hướng gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ; thúc đẩy mạnh phương thức tiêu thụ sản phẩm của nông - ngư dân thông qua hợp đồng. Tập trung chỉ đạo các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất đầu tư sản xuất, ứng dụng khoa học – kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi phong cách phục vụ, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa đảm bảo đủ sức cạnh tranh, phục vụ tốt xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c. Phát triển doanh nghiệp

Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã hiện có; tích cực vận động xây dựng nhiều loại hình kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Kêu gọi thu hút các nhà đầu tư về Thành phố, hỗ trợ một số hoạt động như thuế, kế toán, luật pháp và hỗ trợ vốn ...

d. Phát triển thị trường đa dạng và đồng bộ

Để sản phẩm được nhiều người biết đến thì việc khai thác thị trường là một nhu cầu tất yếu và từng bước đưa sản phẩm tiếp cận với khách hàng, tìm kiếm thị trường; ký kết hợp đồng với các công ty trong nước, ngoài nước và quốc tế. Đảm bảo giá cả và có các sàn

giao dịch sản phẩm cũng như các chuyên gia dự báo về sản phẩm, giúp các doanh nghiệp có nhiều thông tin để sản xuất sản phẩm.

3.2.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo và dạy nghề cho lao động

a. Đẩy mạnh công tác giáo dục – đào tạo, khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng lực lượng lao động trên địa bàn

Phát triển toàn diện và mạnh mẽ giáo dục – đào tạo, phát huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông, nâng cao chất lượng dạy và học ở tất cả các trường. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, chú ý các phường có đông đồng bào Khmer.

b. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Đề án được xem là con đường ngắn nhất để đưa khoa học công nghệ về nông thôn và với Thành phố Trà Vinh, đây là cơ hội để tạo bước đột phá về đào tạo nhân lực, thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động nông thôn. Mặt khác, qua học nghề lao động có thể tự tìm được việc làm để cải thiện cuộc sống, chuyển đổi nghề nghiệp.

c. Nâng cao chất lượng hoạt động của các dịch vụ giới thiệu việc làm

Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm giới thiệu việc làm triển khai các hoạt động giới thiệu việc làm và tổ chức đăng ký tìm việc làm tại các cơ sở thuộc hệ thống trung tâm việc làm của các tỉnh bạn thông qua phiên chợ việc làm, sàn giao dịch việc làm, các trang web thị trường lao động. Phát triển hệ thống định hướng nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, thông tin thị trường và kết nối liên thông với thị trường khu vực.

d. Nâng cao công tác xuất khẩu lao động

Cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp về đào tạo lao động xuất khẩu và tăng cường công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu lao

động. Xây dựng cơ chế cho vay tín dụng từ các nguồn quốc gia giải quyết việc làm; có chính sách ưu đãi đối với người lao động như cho vay với lãi suất thấp, hỗ trợ rủi ro, thông báo rộng rãi, đồng thời phổ biến rõ các thủ tục cho người lao động. Nhằm hỗ trợ người lao động bị mất việc làm do suy giảm kinh tế.

e. Nâng cao năng lực và trình độ ngoại ngữ cho cán bộ và người dân trong vùng quy hoạch phát triển

Trình độ người dân được nâng cao thông qua việc chú trọng đào tạo ngoại ngữ, để tiếp cận với khoa học, kỹ thuật tiên tiến hiện đại, để thu hút được nhà đầu tư nước ngoài đòi hỏi toàn dân phải nâng cao trình độ ngoại ngữ trong đó cán bộ công chức phải làm gương, các cơ sở đào tạo của Thành phố phải tạo cơ hội cho người dân giao lưu với khách nước ngoài. Có như vậy Trà Vinh mới là một tỉnh thật sự phát triển về nguồn nhân lực và các sản phẩm đặc biệt.

3.2.3. Thực hiện một số chính sách chủ yếu

a. Hỗ trợ vốn cho người lao động

Khuyến khích sử dụng và phát triển các nguồn vốn như quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ quốc gia giải quyết việc làm và quỹ của các tổ chức tài trợ. Tranh thủ các nguồn vốn vay của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để cho người dân vay phát triển sản xuất, kinh doanh. Huy động tối đa nguồn vốn nhân rỗi trong nhân dân thông qua các mô hình “tổ tiết kiệm tín dụng”, “tín dụng tiết kiệm”, “tổ tương hỗ”, “tổ góp vốn quay vòng”... các cấp Hội phụ nữ đang phát động. Đẩy mạnh hình thức cho vay vốn liên kết làm ăn theo mô hình tổ, nhóm. Khai thác nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức từ thiện với những biện pháp thích hợp.

b. Chính sách ưu tiên cho lao động có tay nghề trở lại làm việc, thu hút lao động có kỹ thuật và chuyên gia giỏi ở những ngành nghề hiện nay của Thành phố còn thiếu

Trước thực trạng việc sử dụng nguồn lao động của Thành phố Trà Vinh, một số lao động đã được đào tạo, có tay nghề, nhưng

không được sử dụng đúng nghề đào tạo hoặc doanh nghiệp bị giải thể nên không phát huy được vốn kiến thức, tay nghề sẵn có. Cần có những chính sách ưu tiên, khuyến khích những lao động này trở lại làm việc, bố trí sử dụng đúng ngành nghề đào tạo thì đội ngũ lao động sẽ có thêm 1 tỷ lệ lao động đáng kể có tay nghề góp phần tạo ra khối lượng sản phẩm cho xã hội mà không tốn kinh phí và thời gian đào tạo. Đồng thời phải có chính sách thu hút nhân tài, lao động có kỹ thuật và chuyên gia giỏi ở những ngành nghề hiện nay còn thiếu.

c. Thực hiện tốt chính sách xã hội, chăm lo đời sống cộng đồng

Đẩy mạnh tổ chức thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo nhằm tạo việc làm, thu hút lao động vào guồng máy chung của nền kinh tế. Các đoàn thể nhân dân cần vận động các hội viên "giúp nhau làm kinh tế gia đình" như hội phụ nữ, phong trào thanh niên lập nghiệp, của thanh niên.

3.3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kết luận

Thành phố Trà Vinh là Thành phố nghèo, có hơn 30% dân tộc Khmer sinh sống, kinh tế thuần nông, xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, mật độ dân số cao, tài nguyên có hạn, tốc độ phát triển kinh tế chậm, tình trạng thất nghiệp nhiều. Vì vậy, vấn đề giải quyết việc làm, đảm bảo đời sống của người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong Thành phố.

Nhận thức được vị trí, vai trò của vấn đề giải quyết việc làm trong những năm qua, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân Thành phố đã có nhiều chủ trương, giải pháp giải quyết vấn đề việc làm. Những kết quả thu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giáo dục - đào tạo, xóa đói giảm nghèo... bước đầu đã tạo ra việc làm cho hàng chục nghìn người lao động. Hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tăng lên, tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị giảm xuống,

chất lượng nguồn lao động bước đầu có tiến bộ, từng bước đáp ứng được yêu cầu của thị trường sức lao động trong và ngoài tỉnh.

3.3.2 Kiến nghị

Trình độ chuyên môn của lao động còn rất thấp, chủ yếu là lao động phổ thông. Vấn đề đặt ra, Nhà nước cần cơ cấu lại ngành nghề sản xuất Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp theo hướng phát triển các ngành nghề kinh tế mũi nhọn trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và nguồn nhân lực có chất lượng cao. Tập trung phát triển, mở rộng sản xuất các ngành cơ khí hóa chất, dệt, giày da, may mặc, chế biến thủy sản ... hoàn thành đưa vào sử dụng công trình dịch vụ thương mại dân cư phường 4, cụm trung tâm công nghiệp và tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển.

Đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng mục tiêu, phương hướng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, có chính sách khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống, có lợi thế thu hút nhiều lao động tại địa phương, chuyển các ngành công nghiệp từ hình thức gia công sang sản xuất thành phẩm, xuất khẩu trực tiếp, gắn sản xuất trung tâm công nghiệp với chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở địa bàn nông thôn. Vận dụng các chính sách ưu đãi kêu gọi đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dịch vụ Thành phố, ưu tiên cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, dịch vụ ở phường nghèo, tổ chức đào tạo, sử dụng lực lượng tại chỗ nhằm giải quyết việc làm cho lao động.

Đề nghị Chính Phủ khẩn trương xây dựng công thông tin về thị trường lao động nhằm kịp thời cung cấp thông tin về cung - cầu lao động, phục vụ cho công tác quản lý lao động và giúp các doanh nghiệp, người lao động nắm được nhu cầu tuyển dụng và nhu cầu tìm việc. Tổ chức các hội chợ việc làm trong khuôn khổ của chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm, trước hết tập trung ở thành phố và các phường có thị trường lao động phát triển.